



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III/2015

Hà Nội, tháng 10 năm 2015



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CTCP MỸ THUẬT & TRUYỀN THÔNG

Số: 124 /CV-MTTT
V/v: Công bố thông tin quý III/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông
2. Mã chứng khoán: ADC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 04.35122163 Fax: 04.35121385
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Huy (Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính tóm tắt quý III năm 2015 của Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông được lập ngày 19/10/2015.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.adc.net.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC;

Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc



Lê Huy

**LÊ
HOÀNG
HẢI**

Digitally signed by LÊ
HOÀNG HẢI
DN: c=VN, st=Hà Nội,
l=Đống Đa, o=CÔNG TY
CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG, ou=Ban
giám đốc, title=Giám
đốc, cn=LÊ HOÀNG HẢI,
0.9.2342.19200300.100.1.
1=CMND:011372680
Date: 2015.10.20 18:19:58
+07'00'

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90,707,803,531	62,127,976,702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11,458,846,360	5,476,444,381
1. Tiền	111	7.1	3.458.846.360	5.476.444.381
2. Các khoản tương đương tiền	112	7.2	8.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7.2	750,000,000	12,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.2	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.2	-	11.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64,091,344,786	33,810,586,991
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		61.067.669.040	23.790.343.785
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.269.506.340	9.971.194.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.3	210.004.690	507.605.690
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(455.835.284)	(458.556.884)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11,150,850,591	8,371,656,199
1. Hàng tồn kho	141	7.4	11.188.141.325	8.408.946.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(37.290.734)	(37.290.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,256,761,794	1,969,289,131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.5	2.060.450.272	1.612.658.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	7.6	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	7.7	1.196.311.522	356.630.792
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15,193,588,517	5,584,844,625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	7.8	598,198,030	1,538,061,802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	598.198.030	1.538.061.802
- Nguyên giá	222		7.941.146.762	7.941.146.762
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.342.948.732)	(6.403.084.960)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-

III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,651,651,145	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.651.651.145	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	7.9	2,943,739,342	4,046,782,823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.525.096.434	2.578.694.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		172.493.908	221.939.026
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.246.149.000	1.246.149.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105,901,392,048	67,712,821,327
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		74,753,123,755	40,107,962,858
I. Nợ ngắn hạn	310		74,753,123,755	40,107,962,858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		56.009.393.190	22.871.649.484
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.252.956.629	2.511.066.916
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.10	3.467.651.699	1.816.676.880
4. Phải trả người lao động	314		8.521.691.468	9.594.120.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	4.904.167
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	7.11	1.353.865.675	220.262.665
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.750.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.147.565.094	339.282.239
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31,148,268,293	27,604,858,469
I. Vốn chủ sở hữu	410		31,148,268,293	27,604,858,469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	7.12	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(119.378.500)	(119.378.500)

3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5,224,554,114	3,712,465,135
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.14	8,043,092,679	6,011,771,834
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,600,000,000	13,886,133
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,443,092,679	5,997,885,701
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		105,901,392,048	67,712,821,327

CÔNG TY: CP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG
Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa- Hà Nội
Tel: 0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
Quý 3 năm tài chính 2015

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 3/2015

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Năm nay	Kỳ này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	7.15	101,342,138,430	93,469,773,391	155,694,638,901	128,232,922,523
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		101,342,138,430	93,469,773,391	155,694,638,901	128,232,922,523
4. Giá vốn hàng bán	11	7.16	75,763,548,443	64,261,784,869	112,181,341,123	88,876,641,596
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		25,578,589,987	29,207,988,522	43,513,297,778	39,356,280,927
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.17	74,662,619	127,379,249	363,079,047	690,922,571
7. Chi phí tài chính	22	7.18	0	0	14,129,016	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0	14,129,016	0
8. Chi phí bán hàng	25		15,382,176,255	16,675,935,699	27,867,983,458	23,625,678,099
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5,408,389,875	8,289,507,556	9,999,762,110	10,979,086,021
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		4,862,686,476	4,369,924,516	5,994,502,241	5,442,439,378
11. Thu nhập khác	31		32,724,153	47,569,595	153,554,160	239,923,456
12. Chi phí khác	32		14,814,079	4,653,099	53,098,696	13,910,720
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17,910,074	42,916,496	100,455,464	226,012,736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,880,596,550	4,412,841,012	6,094,957,705	5,668,452,114
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,199,194,486	916,708,650	1,602,419,908	1,247,059,465
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				49,445,118	15,291,687
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		3,681,402,064	3,496,132,362	4,443,092,679	4,406,100,962
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	7.19	2,045	2,331	2,045	2,937
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		120.590.665.686	91.581.496.752
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-95.940.179.520	-65.405.011.529
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-21.830.689.351	-15.411.562.159
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-19.033.183	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-980.857.007	-1.664.556.015
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.850.573.410	1.983.209.689
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-5.739.293.158	-3.748.716.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-68,813,123	7,334,859,909
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-3.674.394.767	-50.182.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	-25.250.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.750.000.000	2.750.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		725.609.869	491.229.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8,801,215,102	-22,058,952,484
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.535.860.000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-6.285.860.000	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	-13.699.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2,750,000,000	-13,699,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5,982,401,979	-14,737,791,575
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,476,444,381	16,839,710,614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		11,458,846,360	2,101,919,039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 11 năm 2007, lần 7 ngày 04 tháng 11 năm 2013

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: ART DESIGN & COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AD&C., JSC.

Vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

	Cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Bộ Giáo dục Đào tạo	510.000	5.100.000.000	51.00
Lê Hoàng Hải	10.000	100.000.000	1.00
Trần Tiểu Lâm	10.000	100.000.000	1.00
Các cổ đông khác	470.000	4.700.000.000	47.00
Tổng	1.000.000	10.000.000.000	100

Đến thời điểm 30/09/2015, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 18.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
Quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm thương mại;
Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
Thiết kế trang web, dịch vụ thiết kế nội, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giấy dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông;
Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư các sản phẩm ngành in, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

Trong năm 2015 cũng như quý I năm 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thiết kế xuất bản phẩm giáo dục, dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục, in tem chống giả, bán lẻ ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính này được lập và trình bày theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong quý III năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

dầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Năm 2015 (Số tháng)

Máy móc, thiết bị	42 tháng
Phương tiện vận tải	36 tháng
Thiết bị văn phòng	18 tháng

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

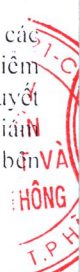
Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.1 Tiền

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	306,402,063	109,610,157
Tiền gửi ngân hàng	3,152,444,297	5,366,834,224
Tổng cộng	3,458,846,360	5,476,444,381

7.2 Khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	750,000,000	750,000,000
Gửi tiết kiệm thời hạn dưới 3 tháng	8,000,000,000	
Gửi tiết kiệm dưới 6 tháng		11,750,000,000
Tổng cộng	8,750,000,000	12,500,000,000

7.3 Các khoản phải thu khác

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tạ Thanh Tùng	7,683,263	7,683,263
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn dưới trên 3 tháng	0	376,930,822
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	122,905,395	59,074,037
Phải thu khác	79,416,032	63,917,568
Tổng cộng	210,004,690	507,605,690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.4 Hàng tồn kho

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1,931,700,106	1,534,593,904
Chi phí SX, KD dở dang	0	0
Thành phẩm	8,903,082,108	5,295,709,059
Hàng hóa	353,359,111	1,578,643,970
Tổng cộng	11,188,141,325	8,408,946,933

7.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	104,039,909	565,036,337
Phần mềm bán hàng	95,159,738	37,000,002
Chi phí thuê cửa hàng	1,278,066,000	1,010,622,000
Chi phí trả trước khác	583,184,625	
Tổng cộng	2,060,450,272	1,612,658,339

7.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	-
Tổng cộng	-	-

7.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1,166,311,522	356,630,792
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30,000,000	
Tổng cộng	1,196,311,522	356,630,792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.8 Tài sản cố định

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lí VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3,394,039,871	3,236,152,191	1,310,954,700	7,941,146,762
Mua sắm trong kì	-	-	-	-
Thanh lí, nhượng bán, giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kì	3,394,039,871	3,236,152,191	1,310,954,700	7,941,146,762
Khấu hao				
Số đầu năm	3,394,039,871	2,211,708,460	797,336,629	6,403,084,960
Khấu hao trong năm	-	643,962,852	295,900,920	939,863,772
Thanh lí, nhượng bán, giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kì	3,394,039,871	2,855,671,312	1,093,237,549	7,342,948,732
				()
Giá trị còn lại				()
Số đầu năm	0	1,024,443,731	513,618,071	1,538,061,802
Số cuối kì	0	595,135,163	316,350,791	911,485,954

7.9 Chi phí dài hạn khác

	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1,525,096,434	2.578.694.797
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	172,493,908	221.939.026
Kí quỹ, kí cược dài hạn	1,246,149,000	1,246,149,000
Tổng cộng	2,943,739,342	4,046,782,823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,321,683,099	111,701,201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,497,597,653	876,034,752
Thuế TNCN	648,370,947	828,940,927
Tổng cộng	3,467,651,699	1,816,676,880

7.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	306,198,990	68,478,277
Bảo hiểm y tế	42,605,672	
Bảo hiểm thất nghiệp	40741,992	
Cổ tức phải trả	-	
Các khoản trả trả, phải nộp khác	964,319,021	151,784,388
Tổng cộng	1,353,865,675	220,262,665

7.12 Chi tiết góp vốn chủ sở hữu

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND VÀ
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6,732,000,000	6,732,000,000
Lê Hoàng Hải	1,853,600,000	1,853,600,000
Trần Tiểu Lâm	227,040,000	227,040,000
Các cổ đông khác	9,187,360,000	9,187,360,000
Tổng cộng	18,000,000,000	18,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.13 Chi tiết góp vốn chủ sở hữu

	30/09/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1,800,000	1,800,000
- Cổ phiếu thường	1,800,000	1,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,800,000	1,800,000
- Cổ phiếu thường	1,800,000	1,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND		

7.14 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/09/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6,011,771,834	4,420,371,616
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,443,092,679	5,997,885,701
Phân phối lợi nhuận	2,411,771,834	4,406,485,483
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	2,411,771,834	4,406,485,483
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1,212,194,694	525,188,387
- Trích quỹ dự phòng tài chính	299,894,285	220,324,274
- Trích quỹ KTPL, KT ban điều hành	299,894,285	220,324,274
- Trả cổ tức bằng tiền mặt	299,894,285	220,324,274
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	0	3,220,324,274
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,043,092,679	6,248,740,857

* Lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18 tháng 03 năm 2015 của công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014
	VND	VND
Tổng doanh thu	101,342,138,430	93,469,773,391
+ Doanh thu bán sách tham khảo	96,980,142,053	92,058,553,052
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	4,361,996,377	1,411,220,339
+ Doanh thu thiết bị		
+ Doanh thu khác		
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101,342,138,430	93,469,773,391

7.16 Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014
	VND	VND
Giá vốn sách tham khảo	71,678,353,249	58,229,629,105
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	4,085,195,194	6,032,155,764
Giá vốn thiết bị		
Giá vốn hàng hóa khác		
Tổng cộng	75,763,548,443	64,261,784,869

7.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74,662,619	127,379,249
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Tổng cộng	74,662,619	127,379,249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.18 Chi phí tài chính

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND
Lãi tiền vay	-	-
Tổng cộng	-	-

7.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,681,402,064	3,496,132,362
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3,681,402,064	3,496,132,362
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,800,000	1,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,045	2,331

7.20 Các bên liên quan

Tên công ty

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ
Tạp chí Toán tuổi thơ

Mối quan hệ

Nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Công ty cùng chung nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Nhà đầu tư
Nhà đầu tư

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

[illegible]

Báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán AAC và báo cáo tài chính quý III năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 do công ty tự lập.

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2015
Giám đốc

Stamp: M.S.D.N:0102365521-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG ĐỒNG ĐÀ - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lê Huy

LÊ
HOÀN
G HẢI

Digitally signed by LÊ
HOÀNG HẢI
DN: c=VN, st=Hà Nội,
l=Đống Đa, o=CÔNG TY
CỐ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG, ou=Ban
giám đốc, title=Giám
đốc, cn=LÊ HOÀNG HẢI,
0.9.2342.19200300.100.1.
1=CMND:011372680
Date: 2015.10.20
18:19:26 +07'00'